

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
THÀNH PHỐ HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2025/HS-ST
Ngày 03-06-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Nhân Phái - Nguyên là Giáo viên Trường Trung học cơ sở Lộc Trì, huyện Phú Lộc, thành phố Huế
- Ông Huỳnh Văn Vy - Nguyên là Cán bộ của phòng Y tế huyện Phú Lộc, thành phố Huế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Thái, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 06 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2025/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 05 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Cún); sinh ngày 14 tháng 4 năm 2007, tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: TT PL, huyện PL, thành phố Huế; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số: 046207002xxx, cấp ngày: 27/12/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; con ông: Nguyễn Văn Chín, sinh năm 1985 và bà Bùi Thị Ngọc Nga (đã chết); gia đình có 4 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; vợ con: Chưa có;

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ ở với gia đình, học văn hoá đến lớp 7 thì nghỉ học ở nhà. Ngày 18/4/2023, bị Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là thành phố Huế ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 119/QĐ-XPHC với hình thức “Cảnh cáo” về hành vi trộm cắp tài sản; ngày 17/4/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xử phạt 04 tháng tù về “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 22/2024/HS-ST (đã chấp hành xong ngày 28/5/2024).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/01/2025 cho đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Minh T2 (tên gọi khác: Không); sinh ngày 24 tháng 01 năm 2003 tại thành phố Huế; nơi cư trú: TT PL, huyện PL, thành phố Huế; nghề nghiệp: Thợ may; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số: 046203008525, cấp ngày: 07/8/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; họ tên cha: Không xác định được và con bà Nguyễn Thị Bông (đã chết); gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; vợ con: Chưa có;

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ ở với gia đình, học văn hoá đến lớp 6 thì nghỉ học ở nhà và làm nghề thợ may. Ngày 18/4/2023, bị Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là thành phố Huế ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 118/QĐ-XPHC với số tiền là 2.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản (đã chấp hành nộp phạt ngày 10/10/2023).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/01/2025 cho đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T:* Bà Phạm Thị Thùy Trang - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Huế. Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và cơ khí Tịnh Nhân; địa chỉ: Số 19 Thuận Hóa, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, thành phố Huế;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Khắc Tịnh, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Đại Liên Thành, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 19 Thuận Hóa, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, thành phố Huế (theo giấy ủy quyền ngày 05/02/2024). Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Gái, sinh năm 1961; nơi cư trú: Tổ 3, phường Thủy Châu, thị xã Hương Thủy, thành phố Huế; nơi ở hiện tại: Thôn Cao Đôi Xã, xã Lộc Trì, huyện Phú Lộc, thành phố Huế. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Võ Xuân Giáp, sinh năm 2009; nơi cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc, thành phố Huế. Có mặt.

2. Ông Võ Xuân Tứ, sinh năm: 1965 và bà Trần Thị Cảnh, sinh năm: 1974 (là cha, mẹ của anh Giáp); đều trú tại: Tổ dân phố 5, thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc, thành phố Huế; (Đồng thời là người đại diện hợp pháp của anh Giáp). Ông Tứ có mặt, bà Cảnh vắng mặt.

3. Bà Đặng Thị Thanh, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số 09 Lê Hồng Sơn, phường Xuân Phú, quận Thuận Hóa, thành phố Huế. Vắng mặt.

4. Bà Trần Thị Yén, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn Xuân Lai, xã Lộc An, huyện Phú Lộc, thành phố Huế. Vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thị Nga, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc, thành phố Huế. Vắng mặt.

6. Anh Phan Thanh Hoài, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Cao Đồi Xã, xã Lộc Trì, huyện Phú Lộc, thành phố Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 29/12/2024 đến ngày 05/01/2025, tại địa bàn xã Lộc Trì, huyện Phú Lộc, thành phố Huế; Nguyễn Văn T và đồng phạm đã thực hiện hành vi trộm tài sản của người khác, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 29/12/2024, Nguyễn Văn T rủ Nguyễn Minh T2 đi lấy trộm dây điện ở công trình đang thi công trụ sở Công an xã Lộc Trì, huyện Phú Lộc, thành phố Huế do Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và cơ khí Tịnh Nhân thi công, T2 đồng ý. T2 điều khiển xe mô tô biển số 75K1-22309 chở T ngồi phía sau; khi đến gần khu vực công trình thì T2 thu giấu xe mô tô và cùng T lén lút đột nhập vào bên trong công trình. T nhặt 01 cây kéo bằng kim loại, 01 bao tải (loại 50 kg, bên trong công trình), sau đó dùng kéo cắt dây điện tại 05 phòng làm việc rồi đưa cho T2 bỏ vào bao tải. Sau khi thấy bao tải đã chứa đầy dây điện thì T bỏ lại cây kéo tại công trình và cùng T2 đưa đến khu vực Nghĩa trang liệt sỹ huyện Phú Lộc ở TT PL, huyện PL, thành phố Huế cùng nhau dùng lửa đốt cháy phần vỏ dây bằng nhựa để lấy lõi dây bằng đồng bên trong rồi đưa về nhà của T thu giấu.

Đến khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, T, T2 đưa lõi dây điện bằng đồng đến cửa hàng thu mua phế liệu của bà Nguyễn Thị bán được số tiền 1.600.000 đồng. T và T2 chia nhau mỗi người số tiền 800.000 đồng để sử dụng cá nhân.

- Lần thứ hai: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 05/01/2025, Nguyễn Văn T rủ Võ Xuân Giáp cùng đi tìm nhà dân sở hớ để lấy trộm tài sản, Giáp đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển số: 75K1-223.09 chở Giáp ngồi phía sau đến cửa hàng buôn bán phế liệu của bà Nguyễn Thị Gái tại thôn Cao Đồi Xã, xã Lộc Trì, huyện Phú Lộc, thành phố Huế. Tại đây, T, Giáp thống nhất đột nhập vào cửa hàng của bà Gái để lấy trộm tài sản. Giáp đứng bên ngoài canh giới, T2 leo tường rào phía sau đột nhập vào bên trong cửa hàng, sau đó đi vào khu vực phòng chứa đồ phế liệu lục soát lấy trộm số tiền 22.400.000 đồng, 01 sợi dây chuyền vàng, 01 đôi hoa tai vàng.

Sau khi lấy trộm được tài sản, T, Giáp cùng nhau rời khỏi hiện trường. Trên đường đi thì T gặp Nguyễn Minh T2 nên T nói với T2 là cùng đi đến Nghĩa trang liệt sỹ huyện Phú Lộc thì T sẽ cho tiền, T2 đồng ý. Khi đến khu vực nghĩa trang, T nói cho T2 biết là mình cùng Giáp vừa lấy trộm được tiền và vàng, đồng thời đưa số tài sản lấy trộm được cho T2 xem. T lấy số tiền 2.000.000 đồng từ số tiền lấy trộm được và cho T2 sử dụng cá nhân.

Đến khoảng 07 giờ 00 sáng cùng ngày, T, T2 và Giáp bàn bạc cùng nhau bán số vàng lấy trộm được để chia nhau sử dụng. T điều khiển xe mô tô biển số 75K1-223.09 chở T2, Giáp đến khu vực chợ Lộc An, huyện Phú Lộc. Tại đây, T giao cho T2 01 đôi hoa tai vàng và T2 đi vào cửa hàng mua bán vàng “Phước Yên” của bà Trần Thị Yên bán được số tiền 1.200.000 đồng và giao lại cho T.

Tiếp đó, T, T2 và Giáp cùng nhau đến cửa hàng mua bán xe mô tô tại khu vực đường Nguyễn Khoa Chiêm, phường Thuận Hóa, thành phố Huế (không xác định được tên tuổi, địa chỉ người bán xe) mua xe mô tô biển số 75B1-232.25 với số tiền 4.500.000 đồng nhằm mục đích cho T sử dụng. Sau đó, T chia cho Giáp số tiền 6.500.000 đồng, Giáp điều khiển xe mô tô biển số 75K1-223.09 để đi về trước. T, T2 tiếp tục đến khu vực chợ Thân Phù, thị xã Hương Thủy, thành phố Huế để bán sợi dây chuyền vàng. Tại đây, T đi vào cửa hàng mua bán vàng “Ngọc Thanh” của bà Đặng Thị Thanh bán sợi dây chuyền vàng được số tiền 19.500.000 đồng, T chia cho T2 số tiền 2.000.000 đồng.

Sau khi bị mất trộm tài sản thì bà Nguyễn Thị Gái trình báo sự việc đến Cơ quan Công an và qua điều tra xác định sự việc trộm cắp tài sản như trên.

* Vật chứng thu giữ: Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 29.250.000 đồng do Võ Xuân Giáp và Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh T2 giao nộp.

01 xe mô tô biển số 75K1-223.09, nhãn hiệu Yamaha Sirius; 01 xe mô tô biển số 75B1-232.25, nhãn hiệu Cicero; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 75B1-232.25; 01 vỏ lon sữa hộp; 01 đĩa CD bên trong chứa dữ liệu Video ghi nhận diễn biến hành vi Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh T2 bán sợi dây chuyền vàng lấy trộm được tại cửa hàng mua bán vàng “Ngọc Thanh”.

Bà Đặng Thị Thanh, bà Trần Thị Yên sau khi mua vàng từ các bị cáo mang đến bán đã đem nấu lại, nên không thu hồi được.

Đối với số lõi dây điện bằng đồng mà các bị cáo đưa đến bán cho bà Nguyễn Thị Gái, bà Gái đã bán lại cho nhà máy thu mua tại thành phố Đà Nẵng nên không thu hồi được.

Đối với số tiền mà bị cáo Nguyễn Văn T chiếm hưởng còn lại trong vụ án, bị cáo đã sử dụng cá nhân hết.

* Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại số tiền 29.250.000 đồng; 01 vỏ lon hộp sữa cho bà Nguyễn Thị Gái.

Đối với xe mô tô biển số 75K1-22309, quá trình điều tra xác định phương tiện đứng tên đăng ký là chị Nguyễn Thị Nga. Trong quá trình sử dụng, chồng của chị Nga là anh Phan Thanh Hoài cho bị cáo Nguyễn Văn T mượn để sử dụng. Xét thấy bà Nguyễn Thị Nga, anh Phan Thanh Hoài không biết bị cáo Nguyễn Văn T sử dụng xe mô tô biển số 75K1-22309 để làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại phương tiện cho chủ sở hữu.

Đối với xe mô tô biển số 75B1-232.25, quá trình điều tra xác định phương tiện đứng tên đăng ký là anh Lê Văn Thiện. Trong quá trình sử dụng thì anh Thiện bán lại phương tiện cho người không quen biết (không xác định được tên tuổi, địa chỉ). Do vậy, cần tiếp tục được tạm giữ xe mô tô biển số 75B1-232.25 để giải quyết theo vụ án.

* Tại bản Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG ngày 28/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Lộc đã kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng 458; loại 11k; dài 40cm; bản rộng 0,5cm; gắn tượng ngọc màu xanh;

trọng lượng 5,9 chỉ; có giá trị 24.780.000 đồng; 01 đôi bông tai vàng 458; loại 11k; tổng trọng lượng 0,3 chỉ; có giá trị 1.260.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là: 26.040.000 đồng (Hai mươi sáu triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng).

* Tại bản Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐG ngày 20/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Phú Lộc đã kết luận: 500 mét dây điện loại CV 1.5 có giá trị 2.699.000 đồng; 600 mét dây điện loại CV 2.5 có giá trị 5.280.000 đồng; 700 mét dây điện loại CV 4.0 có giá trị: 9.323.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là: 17.302.000 đồng (Mười bảy triệu ba trăm lẻ hai ngàn đồng).

* Về trách nhiệm dân sự: Anh Võ Đại Liên Thành đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và cơ khí Tịnh Nhân yêu cầu các bị cáo bồi thường về dân sự với số tiền: 17.302.000 đồng; bà Nguyễn Thị Gái yêu cầu bồi thường về dân sự với tổng số tiền: 19.190.000 đồng. Hiện các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Võ Xuân Giáp chưa bồi thường về dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 38/CT-VKSND ngày 25/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, thành phố Huế truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Minh T2 về các tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố phát biểu quan điểm luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91, khoản 1 Điều 101; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T2 từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T2 từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Minh T2, buộc bị cáo Nguyễn Minh T2 phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về các tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước đối với 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 75B1-232.25, nhãn hiệu Cicero kèm 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 75B1-232.25.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bồi thường dân sự của các bị hại và công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về bồi thường cho bị hại.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm; buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Hành vi của bị cáo bị truy tố xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng những T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã tự nguyện giao nộp lại một phần số tiền chiếm đoạt, thành khẩn khai báo về hành vi của mình nên được áp dụng T tiết giảm nhẹ điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên cần xem xét đến nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định tại Điều 90, Điều 91 Bộ luật Hình sự. Với những T tiết giảm nhẹ nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng ý với kết luận định giá tài sản của cơ quan chuyên môn và tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố theo như bản Cáo trạng và quan điểm luận tội. Bị cáo T đồng ý với lời bào chữa của người bào chữa, các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại và không có ý kiến tranh luận về hành vi, tội danh, hình phạt và các vấn đề khác.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Võ Xuân Giáp và người đại diện của anh Giáp cung cấp lời khai như trong giai đoạn điều tra, truy tố; đồng ý với kết luận định giá tài sản của cơ quan chuyên môn, đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại và không có ý kiến tranh luận gì.

Nói lời sau cùng tại phiên tòa, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng trong vụ án là bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Đặng Thị Thanh, bà Trần Thị Yên, bà Trần Thị Cảnh, chị Nguyễn Thị Nga và anh Phan Thanh Hoài vắng mặt tại phiên tòa. Xét

thấy người vắng mặt đã có đầy đủ lời khai trong quá trình điều tra, không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét hành vi của các bị cáo thấy rằng:

Từ ngày 29/12/2024 đến ngày 05/01/2025, tại địa bàn xã Lộc Trì, huyện Phú Lộc, thành phố Huế; Nguyễn Văn T và Nguyễn Minh T2 đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt của Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và cơ khí Tịnh Nhân 1.800 mét dây điện các loại có tổng trị giá là 17.302.000 đồng (Mười bảy triệu ba trăm lẻ hai nghìn đồng); Nguyễn Văn T và Võ Xuân Giáp đã lén lút chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Gái số tiền là 22.400.000 đồng cùng một số trang sức bằng vàng với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 48.440.000 đồng (Bốn mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng).

Nguyễn Minh T2 biết rõ số tiền 22.400.000 đồng, 01 sợi dây chuyền vàng, 01 đôi hoa tai vàng là tài sản do Nguyễn Văn T phạm tội mà có nhưng T2 vẫn nhận từ T số tiền 2.000.000 đồng và cùng với T mang đi tiêu thụ 01 sợi dây chuyền vàng, 01 đôi hoa tai vàng. Như vậy, tổng trị giá tài sản Nguyễn Minh T2 đã tiêu thụ là: 1.260.000 đồng + 24.780.000 đồng + 2.000.000 đồng = 28.040.000 đồng (Hai mươi tám triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng), thu lợi bất chính số tiền 4.000.000 đồng.

Riêng Võ Xuân Giáp, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2009 khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản do mới 15 tuổi 22 ngày nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

Với hành vi và hậu quả, bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Minh T2 đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, thành phố Huế truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét về tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bản thân các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ vụ lợi, muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác nên đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu để lén lút chiếm đoạt tài sản nhằm thu lợi bất chính, phục vụ nhu cầu bản thân, gây bức xúc, lo lắng cho nhân dân, ảnh hưởng xấu đến T hình an ninh, trật tự tại địa phương.

[5] Về nhân thân, T tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu. Ngày 18/4/2023, bị Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là thành phố Huế ra

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 119/QĐ-XPHC với hình thức “Cảnh cáo” về hành vi trộm cắp tài sản;

- Về T tiết tăng nặng: Phạm vào T tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về T tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã tự nguyện giao nộp lại một phần số tiền chiếm đoạt, thành khẩn khai báo về hành vi của mình, nên được áp dụng T tiết giảm nhẹ điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Minh T2:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu. Ngày 18/4/2023, bị Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là thành phố Huế ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 118/QĐ-XPHC với số tiền là 2.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản (đã chấp hành nộp phạt ngày 10/10/2023);

- Về T tiết tăng nặng: Bị cáo không phạm vào T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với cả 02 tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Về T tiết giảm nhẹ:

+ Đối với tội “Trộm cắp tài sản” bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi của mình nên được áp dụng T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Đối với tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã tự nguyện giao nộp lại một phần số tiền, thành khẩn khai báo về hành vi của mình nên được xem xét áp dụng các T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét vị trí, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, thấy rằng: Đây là vụ án đồng phạm, tính chất giản đơn, trong đó Nguyễn Văn T đóng vai trò là người khởi xướng, rủ rê và thực hiện hành vi phạm tội cả hai lần trộm cắp tài sản. Nguyễn Minh T2 là người thực hành giúp sức cho T. Võ Xuân Giáp là người giúp sức cho T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

[6] Xét các căn cứ quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các bị cáo đều còn trẻ (thời điểm phạm tội, bị cáo Nguyễn Văn T chưa đủ 18 tuổi) nhưng các bị cáo đã có nhân thân xấu, không tu dưỡng, rèn luyện, tìm kiếm nghề nghiệp để lao động, học tập, phát triển bản thân, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Mặc dù đã bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nhưng để có tiền tiêu xài cá nhân, các bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bản thân bị cáo Nguyễn Văn T đã bị Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xử phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản. Đối với bị cáo Nguyễn Minh T2 biết rõ tiền và tài sản bị cáo T cho và đưa đi bán là tài sản do bị cáo T và anh Giáp trộm cắp mà có nhưng bị cáo vẫn nhận để đi bán cùng với bị cáo T và tiêu xài cá nhân.

Bị cáo T2 là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là hành vi vi phạm pháp luật. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, các bị cáo có nhiều T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên cần xem xét đến nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội khi lượng hình.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định; các bị cáo đang bị tạm giam nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Đối với Võ Xuân Giáp, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Giáp do đó, không có cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh Võ Xuân Giáp.

[9] Đối với bà Đặng Thị Thanh, bà Trần Thị Yến và bà Nguyễn Thị Gái không biết tài sản mình nhận mua là do các bị cáo trong vụ án phạm tội mà có nên không có căn cứ xem xét, xử lý về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[10] Đối với vợ chồng chị Nguyễn Thị Nga, anh Phan Thanh Hoài không biết Nguyễn Văn T sử dụng xe mô tô biển số 75K1-22309 thuộc sở hữu của mình để làm phương tiện phạm tội nên không có căn cứ xem xét, xử lý.

[11] Đối với người đàn ông bán xe mô tô biển số 75B1-23225 cho các bị cáo trong vụ án, quá trình điều tra không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi có đủ căn cứ thì xem xét xử lý sau.

[12] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với việc Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và cơ khí Tịnh Nhân yêu cầu các bị cáo bồi thường về dân sự với số tiền: 17.302.000 đồng, quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Minh T2 không thỏa thuận được trách nhiệm bồi thường dân sự. Tại phiên tòa, các bị cáo đã thỏa thuận việc bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và cơ khí Tịnh Nhân như sau: Bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường số tiền 8.651.000 đồng; bị cáo Nguyễn Minh T2 bồi thường số tiền 8.651.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa các bị cáo là tự nguyện, phù hợp nên cần được ghi nhận.

- Đối với việc bà Nguyễn Thị Gái yêu cầu bồi thường về dân sự với tổng số tiền: 19.190.000 đồng quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Xuân Giáp không thỏa thuận được việc bồi thường. Tại phiên tòa, các bị cáo và anh Giáp thỏa thuận việc bồi thường cho bà Nguyễn Thị Gái như sau: Bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường số tiền 9.190.000 đồng; bị cáo Nguyễn Minh T2 bồi thường số tiền 5.000.000 đồng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Xuân Giáp bồi thường 5.000.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là tự nguyện, phù hợp nên cần được ghi nhận.

Đối với anh Võ Xuân Giáp hiện nay chưa thành niên, chưa có tài sản để bồi thường nên cha mẹ của anh giáp là ông Võ Xuân Tứ và bà Trần Thị Cảnh là người thực hiện bồi thường cho bà Nguyễn Thị Gái theo quy định tại khoản 2 Điều 586 Bộ luật dân sự năm 2015.

[13] Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô biển số 75B1-232.25, quá trình điều tra xác định phương tiện đứng tên đăng ký là anh Lê Văn Thiện. Trong quá trình sử dụng thì anh Thiện bán lại phương tiện cho người không quen biết (không xác định được tên tuổi, địa chỉ). Bị cáo T mua lại của một người đàn ông không xác định được tên tuổi, địa chỉ từ tài sản do bị cáo phạm tội mà có và tại phiên tòa bị cáo không có yêu cầu nhận lại đối với tài sản này. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước đối với 01 (một) xe mô tô, biển số 75B1-23225, nhãn hiệu Cicero, màu đen (đã cũ, đã qua sử dụng; không kiểm tra chất lượng bên trong máy; xe không có phần yếm mang phía trên, hộp xích và kính chiếu hậu; bị rỉ sét ở nhiều bộ phận); 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 75B1-23225, mang tên Lê Văn Thiện, số máy: FMH-061341, số khung: 022HV-061341.

[14] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T (tức Cún) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T2 phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Về trách nhiệm hình sự:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91, khoản 1 Điều 101; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù T từ ngày bắt tạm giam ngày 10/01/2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T2 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T2 01 (một) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo Nguyễn Minh T2 phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 10/01/2025.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước đối với:

01 (một) xe mô tô, biển số 75B1-23225, nhãn hiệu Cicero, màu đen (đã cũ, đã qua sử dụng; không kiểm tra chất lượng bên trong máy; xe không có phần yếm mang phía trên, hộp xích và kính chiếu hậu; bị rỉ sét ở nhiều bộ phận).

01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 75B1-23225, mang tên Lê Văn Thiện, số máy: FMH-061341, số khung: 022HV-061341.

Vật chứng trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản (STT 32) ngày 25 tháng 4 năm 2025 giữa Công an thành phố Huế và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc.

5. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuyên xử:

Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Minh T2 bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và cơ khí Tịnh Nhân số tiền 17.302.000 đồng (Mười bảy triệu ba trăm lẻ hai nghìn đồng), cụ thể: Nguyễn Văn T bồi thường số tiền 8.651.000 đồng; Nguyễn Minh T2 bồi thường số tiền 8.651.000 đồng.

Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Xuân Tứ và bà Trần Thị Cảnh (là cha, mẹ của anh Võ Xuân Giáp; là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) bồi thường cho bà Nguyễn Thị Gái số tiền 19.190.000 đồng (Mười chín triệu một trăm chín mươi nghìn đồng), cụ thể: Nguyễn Văn T bồi thường số tiền 9.190.000 đồng; Nguyễn Minh T2 bồi thường số tiền 5.000.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Xuân Tứ và bà Trần Thị Cảnh liên đới bồi thường số tiền 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 892.050 đồng án phí dân sự sơ thẩm; tổng cộng là 1.092.050 đồng (Một triệu không trăm chín mươi hai nghìn không trăm năm mươi đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Minh T2 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 682.550 đồng án phí dân sự sơ thẩm; tổng cộng là 882.550 đồng (Tám trăm tám mươi hai nghìn năm trăm năm mươi đồng).

- Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Xuân Tứ và bà Trần Thị Cảnh phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND thành phố Huế;
- Phòng PV06, PC 10 CA thành phố Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Phân trại tạm giam khu vực Phú Lộc, Phòng PC11, CA thành phố Huế;
- Công an xã Lộc Trì;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Bị cáo; bị hại và những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Nhân Phái

Huỳnh Văn Vy

Nguyễn Văn Mạnh

